

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025
HUYỆN THUẬN CHÂU - TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Quyết định số: 1667/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chấp thuận, quyết định đầu tư
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
I	Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch							
1	Hồ Lăng Luông	20,00	20,00	16,40	3,60	LUC; LUK; NHK; CLN; RPH; DGT; DTL; TSN; ONT; SON	Xã Phông Ly	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La
2	Nâng cấp, mở rộng đường Trung Dũng, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu (đoạn km 0 + 450 - Km 0+800)	0,28	0,28		0,28	ODT; CLN; DCS	Thị trấn Thuận Châu	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 10/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La
3	Kè chống lũ, sạt lở đất và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư dọc suối Muội, huyện Thuận Châu (giai đoạn II)	1,50	1,50	0,93	0,57	NHK; RPH; SON	Thị trấn Thuận Châu	Nghị quyết 51/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Sơn La
4	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất bản Huổi Sỏi, xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu	4,00	4,00		4,00	LUC, NHK, CLN, DCS	Xã Chiềng Ngâm	Nghị quyết 381/NQ-HĐND ngày 2/10/2024 của HĐND tỉnh Sơn La
5	Chỉnh trang đô thị và xây dựng khu dân cư mới tại xã Chiềng Ly và thị trấn Thuận Châu	15,83	15,83		15,83	LUC, NHK, SON; ONT; DCS	Thị trấn Thuận Châu	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của HĐND tỉnh Sơn La
6	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Nậm Ty huyện Sông Mã - Mường Chanh huyện Mai Sơn	6,50	6,50	0,01	6,49	LUC; NHK, CLN, DCS	Xã Nậm Lầu	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 10/5/2022 của HĐND tỉnh Sơn La
7	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chiềng Pắc	0,50	0,50		0,50	LUC, CLN	xã Chiềng Pắc	Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La
8	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Bon Phặng	0,50	0,50		0,50	CLN; ONT	xã Bon Phặng	Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La

ut

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chấp thuận, quyết định đầu tư
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
9	Trụ sở làm việc Đảng uỷ, HĐND, UBND xã Long Hẹ	0,10	0,10		0,10	NHK; ONT	Xã Long Hẹ	Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La
10	Đường Mường Chanh (Bán Hịa) - Trung tâm xã Chiềng Noi, huyện Mai Sơn	0,72	0,72		0,72	RPH	Xã Bán Lắm	Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La
11	Khu tâm linh Đèo Pha Đin (thu hồi không CMĐSD đất có rừng)	8,60	8,60		8,60	RPH	xã Mường É	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 08/11/2022 của HĐND tỉnh Sơn La
12	Chinh trang đô thị Thị trấn Thuận Châu	4,42	4,42	3,42	0,10	LUC, NHK, CLN, DGT	Thị trấn Thuận Châu	Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn La
13	Dự án điện an toàn trên địa bàn Thuận Châu	16,28	16,28		16,28	NHK, CLN	Huyện Thuận Châu	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Sơn La
14	Cấp nước sinh hoạt cho các xã lân cận thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	0,10	0,10		0,10	LUC 0,05; HNK 0,05	Xã Phông Ly, Xã Chiềng Pha	NQ số 173, số 174/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn La
15	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất ĐTC Tền Pá Hu xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu	7,00	7,00		7,00	CLN	xã Liệp Tè	Nghị quyết số 232/NQ-HĐND ngày 4/10/2023 của HĐND tỉnh
16	Đường liên xã Long Hẹ - Phông Lập	20,05	20,05		20,05	LUC 0,3 ha; RPH 5,72 ha; CLN 14,03 ha	Xã Long Hẹ, xã Phông Lập	Nghị quyết số 335/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của HĐND tỉnh
17	Dự án Trồng cây cà phê Arabica Sơn La	15,11	15,11		15,11	LUN 9,93 ha; NHK 5,18 ha	xã Phông Lái	Nghị quyết số 262/NQ-HĐND ngày 7/12/2023 của HĐND tỉnh
18	Xây dựng hạ tầng khu dân cư bản Mòn xã Thôm Mòn huyện Thuận Châu	0,34	0,34		0,34	CLN	xã Thôm Mòn	Nghị quyết số 334/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của HĐND tỉnh
19	Thủy điện Nậm Hoá 1 (khu vực lòng hồ xã Mường Bám, huyện Thuận Châu)	43,90	43,90		43,90	CGT	xã Mường Bám	Nghị quyết số 335/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của HĐND tỉnh
20	Trạm y tế xã Chiềng Pắc	0,20	0,20		0,20	LUC, HNK	xã Chiềng Pắc	Nghị quyết số 380/NQ-HĐND ngày 2/10/2024 của HĐND tỉnh
21	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường dây 220kV Sơn La - Điện Biên	8,27	8,27		8,27	LUC, LUK, NHK, CLN, CSD	Huyện Thuận Châu	Nghị quyết số 430 và 431/NQ-HĐND ngày 5/12/2024 của HĐND tỉnh Sơn La
22	Dự án xây dựng Đền thờ liệt sỹ tại Khu lịch sử - văn hóa đèo Pha Đin huyện Thuận Châu	0,40	0,40	0,26	0,14	RPH	xã Mường É	Nghị quyết số 280, số 281/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND tỉnh

ut

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chấp thuận, quyết định đầu tư
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
23	Nhà quản lý điều hành, đường công vụ, hệ thống phòng cháy chữa cháy, sân đỗ xe và các hạng mục phụ trợ khác tại khu di tích văn hoá lịch sử đèo Pha Đin - huyện Thuận Châu	0,40	0,40		0,40	NHK,RPH	Xã Mường É	Nghị quyết số 427 và 428/NQ-HĐND ngày 5/12/2024 của HĐND tỉnh Sơn La
24	Nhà văn hoá xã Mường É huyện Thuận Châu	0,47	0,47		0,47	NHK,CLN	Xã Mường É	Nghị quyết số 430 và 431/NQ-HĐND ngày 5/12/2024 của HĐND tỉnh Sơn La
25	Nhà văn hoá bản Ái Khôm xã Mường É	0,08	0,08		0,08	RPH	Xã Mường É	Nghị quyết số 506/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh Sơn La
26	Đường nội thị dọc kè suối Muội hệ thống thoát lũ và các hạng mục phụ trợ, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	2,95	2,95		2,95	LUC, HNK, CLN, NTS, ODT	Thị trấn Thuận Châu	Nghị quyết số 506/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh Sơn La
27	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai cấp bách do ảnh hưởng của cơn bão số 3 tại bản Quây, xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu	4,50	4,50		4,50	HNK, CLN	Xã Chiềng Ngâm	Nghị quyết số 508/NQ-HĐND ngày 30/5/2025 của HĐND tỉnh Sơn La
II	Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai							
1	Chỉnh trang đô thị thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu (hạng mục vườn hoa cây xanh)	0,02	0,02		0,02	DCS	Thị trấn Thuận Châu	Quyết định số 5001/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND huyện Thuận Châu
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện các lộ đường dây trung thế 375 E17.4 Thuận Châu và 375 E17.3 Mường La theo phương án đa chia - đa nối năm 2025	0,05	0,05		0,05	HNK	Huyện Thuận Châu	QĐ số 2508/QĐ-PCSL ngày 23/12/2024 của Công ty điện lực Sơn La
3	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non 19/5 Phông Lập, xã Phông Lập, huyện Thuận Châu	0,62	0,62		0,62	RSX	Xã Phông Lập	Quyết định số 5170/QĐ-UBND ngày 07/12/2024 của UBND huyện Thuận Châu
4	Đường vào trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã Chiềng La, huyện Thuận Châu	0,05	0,05		0,05	HNK	Xã Chiềng La	QĐ số 589/QĐ-UBND ngày 06/3/2025 của UBND huyện Thuận Châu

ut

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chấp thuận, quyết định đầu tư
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
5	Đường tránh đô thị khu Tông Lạnh (Thôn 1 - bản Bai), xã Tông Lạnh	6,00	6,00		6,00	ONT, LUA, HNK, CLN, NTS	xã Tông Lạnh	Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 19/2/2024 của UBND huyện Thuận Châu
6	Dự án tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cấp Quốc gia Kỳ đài Thuận Châu (hạng mục tu bổ tôn tạo khu di tích)	0,90	0,90		0,90	DTT, DGT	Thị trấn Thuận Châu	QĐ số 4888/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND huyện Thuận Châu
7	Điểm TĐC các hộ dân bị ảnh hưởng GPMB để triển khai các dự án trên địa bàn huyện	0,74	0,74		0,74	LUC	Thị trấn Thuận Châu	NQ số 150, số 151/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Sơn La
8	Đường liên bản Hán - bản Nà Heo, xã Chiềng Pha	3,00	3,00		3,00	HNK	Xã Chiềng Pha	NQ số 173/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn
9	Đường TT xã - Há Khúa- Thẩm Xết, xã Co Tòng	2,40	2,40		2,40	HNK	xã Co Tòng	NQ số 173/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn
10	Đường giao thông Bó Mười - Liệp Tè, huyện Thuận Châu	23,55	23,55		23,55	NHK, CLN, ONT, DCS	Xã Liệp Tè, Bó Mười	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của HĐND tỉnh
11	Đường tỉnh TL 107 - Chiềng Ngâm - Chiềng Khoang - Liệp Muội - Mường Sại	7,45	7,45		7,45	NHK, CLN, ONT, DCS	Huyện Thuận Châu	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của HĐND tỉnh
12	Đường dây đầu nối 110 đường dây thủy điện Bó Sinh vào lưới điện quốc gia	8,10	8,10	7,5084	0,59	LUC; RPH	Xã Co Mạ, Co Tòng, Púng Tra, Nậm Lầu, Chiềng Bôm, Chiềng Ly, Phổng Lãng	Nghị quyết số 273/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh Sơn La
13	Xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông Km8+050-Km8+650 và Km9+700-Km10+300, ĐT.108 (Thuận Châu - Mường Bám)	0,65	0,65		0,65	NHK, CLN	Huyện Thuận Châu	Công văn số: 3572/SGTVT-KHTC của Sở Giao thông vận tải V/v lập danh mục dự án nhà nước thu hồi đất triển khai thực hiện dự án trên địa bàn huyện Thuận Châu.
14	Nâng cấp, sửa chữa phố Chu Huy Mân, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu	0,20	0,20		0,20	ODT, CLN	Thị trấn Thuận Châu	Nghị Quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/9/2021 của HĐND huyện Thuận Châu
15	Dự án dịch chuyển đường điện tại các khu vực đô thị mới Thị trấn Thuận Châu - Chiềng Ly	0,20	0,20		0,20	NHK, CLN	Chiềng Ly	Quyết định số 5345/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND huyện
16	Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia	1,00	1,00		1,00	NHK, CLN	Huyện Thuận Châu	Nghị quyết số 272/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của HĐND tỉnh sơn la

unt

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chấp thuận, quyết định đầu tư
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
17	Tiểu dự án Cải tạo nâng cấp đường Chiềng Bôm - Mường Chanh (đoạn km9+300-km20+700)	9,56	9,56		9,56	LUC; RPH; DGT	Huyện Thuận Châu	QĐ số 1592/QĐ-TTg ngày 23/12/2022; QĐ số 1419/QĐ-UBND ngày 3/8/2023 của UBND tỉnh Sơn La
18	Đường Giao thông Chiềng Bôm - Mường Chanh (từ Km9+312 - Km20+700)	2,20	2,20		2,20	HNK, CLN, ONT, RSX, NTS, DGT,	xã Chiềng Bôm	Đăng ký nhu cầu của Phòng Kinh tế Hạ tầng
19	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư bản Ái Khôm	3,54	3,54		3,54	HNK, CLN, RPH	xã Mường É	Đăng ký nhu cầu của Phòng Kinh tế Hạ tầng
20	Nhà làm việc một cửa xã Chiềng Pha	0,04	0,04		0,04	ONT, CLN	xã Chiềng Pha	Đăng ký nhu cầu của Phòng Kinh tế Hạ tầng
21	Dự án vườn hoa cây xanh trong khu di tích quốc gia Kỳ đài Thuận Châu	0,50	0,50		0,50	ODT, CLN, HNK	Thị trấn Thuận Châu	Đăng ký nhu cầu của Phòng Kinh tế Hạ tầng
22	Chuyển mục đích sử dụng đất các khu dân cư tại các bản, tiểu khu thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện	1,38	1,38		1,38	LUC	Thị trấn Thuận Châu, Xã Thôm Mòn	QĐ số 1602/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Sơn La
III	Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch							
1	Nhà máy chế biến tinh bột sắn	20,00	20,00		20,0	HNK; CLN; NTS; DHT; ONT; CSD	Xã Nong Lay	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh Sơn La
2	Trang trại chăn nuôi Lộc Phát - Nong Lay	50,00	50,00		50,0	NHK, CLN	xã Nong Lay	Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 7/03/2025 của UBND tỉnh Sơn La
3	Trang trại chăn nuôi lợn xã Nong Lay	30,00	30,00		30,0	NHK, NTS	xã Nong Lay	Vốn Doanh nghiệp
4	Trồng cây ăn quả trên địa bàn bản Đông Hưng, xã Muối Nội, huyện Thuận Châu	5,34	5,34		5,34	SKC	Xã Muối Nội	Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
5	Cửa hàng xăng dầu xã Mường Khiêng	0,055	0,055		0,055	HNK	xã Mường Khiêng	Vốn Doanh nghiệp
6	Đấu giá cho thuê khu sân bóng trong khu đất trường đại học Tây Bắc cũ	0,311	0,311		0,311	DCS	Thị trấn Thuận Châu	Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Sơn La

wt

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chấp thuận, quyết định đầu tư
					Tổng diện tích (ha)	Trong đó: Sử dụng vào diện tích từng loại đất		
7	Đầu giá Khu đất chợ cũ thuộc Tiểu khu 7, thị trấn Thuận Châu	0,019	0,019		0,019	DCS	Thị trấn Thuận Châu	Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh Sơn La
8	Đầu giá khu đất đại học Tây Bắc (Lô ODL 04)	0,17	0,17		0,17	DCS	Thị trấn Thuận Châu	Kế hoạch phát triển quỹ đất của huyện
9	Khu đất nhà văn hoá (cũ) bản Hung Nhân, xã Chiềng Pha	0,05	0,05		0,05	DVH	Xã Chiềng Pha	Kế hoạch phát triển quỹ đất của huyện
10	Khu đất quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 trung tâm xã É Tòng	0,12	0,12		0,12	NTS	Xã É Tòng	Kế hoạch phát triển quỹ đất của huyện
11	Thửa đất số 21 tại khu chợ trung tâm xã Nong Lay	0,015	0,015		0,015	DCS	Xã Nong Lay	Kế hoạch phát triển quỹ đất của huyện
12	Khu đất tại bản Bon, xã Bon Phặng	0,33	0,33		0,33	DCS	Xã Bon Phặng	Kế hoạch phát triển quỹ đất của huyện
13	Khu đất tại Thôn 2 xã Tông Lạnh	0,03	0,03		0,03	DCS	Xã Tông Lạnh	Kế hoạch phát triển quỹ đất của huyện
14	Khu đất tại bản Hình, xã Tông Cọ (cạnh trạm y tế cũ xã Tông Cọ)	0,02	0,02		0,02	DCS	Xã Tông Cọ	Kế hoạch phát triển quỹ đất của huyện
15	Khu đất đại học Tây Bắc (lô ODL 05,06,07)	0,25	0,25		0,25	DCS	Thị trấn Thuận Châu	Giao đất tái định cư
16	Đầu giá đất Trạm khuyến nông xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu	0,02	0,02		0,02	DCS	Xã Phổng Lái	Đất có tài sản trên đất. Đề nghị Sở Tài chính thực hiện đấu giá
17	Nhà văn hoá cũ xã Púng Tra	0,03	0,03		0,03	DVH	xã Púng Tra	

ant